

Bản án số: 23/2025/HSST

Ngày: 17/12/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Đinh Thị Hiền Thương.

2, Bà Đào Thị Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17/12/2025, tại điểm cầu trung tâm xét xử trực tuyến của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên và điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh T, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2025/HSST, ngày 12/11/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/QĐXXST- HS, ngày 03/12/2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/4/1997, tại Thái nguyên; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã C, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị M; chưa có vợ, con; tiền án: 02 tiền án (Ngày 07/6/2024, bị TAND thành phố B, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, ngày 25/8/2024, chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 17/12/2024 bị Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, ngày 22/07/2025, Nguyễn Quốc T chấp hành xong án phạt tù chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2025 cho đến nay - Có mặt tại điểm cầu thành phần.

*** Những người bị hại:**

1. Bà Đoàn Hồng N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ A, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ D, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người tham gia tố tụng khác (Tại điểm cầu thành phần):*

1, Trung tá Hoàng Quốc H1 – Phó đội trưởng đội Cảnh sát bảo vệ;

2, Đại úy Vũ Văn H2 – Cán bộ đội Cảnh sát bảo vệ;

3, Hạ sỹ Bàn Ngọc T1 – Cán bộ đội Cảnh sát bảo vệ;

4, Hạ sỹ Hoàng Minh T2 – Cán bộ đội Cảnh sát bảo vệ;

5, Hạ sỹ Phạm Quốc T3 – Cán bộ đội Cảnh sát bảo vệ;

Đều là cán bộ, chiến sỹ thuộc Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh T - Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 24/7/2025, Nguyễn Quốc T thấy cổng chính của nhà hàng A thuộc tổ A, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên do bà Đoàn Hồng N làm chủ có khe hở đủ để chui người vào và không có người trông coi. T nằm sấp xuống đất, chui qua khe cổng vào bên trong khuôn viên nhà hàng, lên cầu thang, đi theo hành lang và chui qua ô thoáng vào phòng khách. Tại đây T thấy trên bàn thờ Thần Tài có tiền đặt trên đĩa nên lấy 01 tờ tiền mệnh giá 20.000^d (*Hai mươi nghìn đồng*) đặt lên cửa sổ, sau đó tiếp tục lục soát quầy lễ tân và quay lại tiếp tục lấy thêm 30.000^d (*Ba mươi nghìn đồng*) trên bàn thờ Thần Tài (gồm 01 tờ 20.000^d và 01 tờ 10.000^d) đặt lên cửa sổ cùng tờ tiền 20.000^d trước đó rồi theo đường cũ chui ra ngoài. Tổng số tiền T trộm cắp được tại nhà hàng A là 50.000^d (*Năm mươi nghìn đồng*).

Ngay sau đó, T tiếp tục đi bộ đến quán C, thuộc tổ D, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thấy quán đã tắt điện và không có người trông coi, T nâng tấm phen nửa che ô thoáng cửa để chui vào bên trong. T tìm thấy chìa khóa trong giỏ nhựa đặt trên hộp kim loại ở quầy lễ tân nên dùng chìa khóa mở hộp và lấy ra một tờ tiền để kiểm tra, thấy tờ tiền có mệnh giá 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*), T cất tờ tiền đó vào vị trí cũ. Sau đó tiếp tục lấy 06 tờ tiền ra để kiểm tra thấy gồm 01 tờ mệnh giá 10.000^d và 04 tờ mệnh giá 5.000^d, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000^d, T đã lấy đi số tiền

trên, tổng cộng 130.000^d (Một trăm ba mươi nghìn đồng), sau đó khóa hộp tiền, để lại chìa khóa, và thoát ra theo lối cũ.

Tổng số tiền Nguyễn Quốc T chiếm đoạt trong hai lần trộm cắp là 180.000^d (Một trăm tám mươi nghìn đồng). T đã tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Với các hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSKV6, ngày 11/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm b khoản 1 Điều 173/BLHS.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T về tội "*Trộm cắp tài sản*"

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50/BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 27/7/2025.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Quá trình tranh luận: Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Các hành vi, quyết định tố tụng và các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Khoảng 00 giờ ngày 24/7/2025, tại quán A1 thuộc tổ A, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Quốc T trộm cắp số tiền 50.000^d (Năm mươi nghìn đồng) của bà Đoàn Hồng N, tiếp đó T đi bộ đến quán C, thuộc tổ D, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục trộm cắp số tiền 130.000^d (Một trăm ba mươi nghìn đồng) của bà Vũ Thị H. Tổng số tiền 02 (hai) lần trộm cắp là 180.000^d (Một trăm tám mươi nghìn đồng) T đã sử dụng cá nhân hết. Mặc dù số tiền mỗi lần T trộm cắp chưa đủ 2.000.000^d (Hai triệu đồng), nhưng Nguyễn Quốc T đã có 02 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chưa được xóa án tích. Do đó hành vi nêu trên của Nguyễn Quốc T đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tổng hợp các chứng cứ lại, đánh giá diễn biến khách quan của vụ án thấy việc truy tố, xét xử bị cáo bị cáo Nguyễn Quốc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Quốc T có nhân thân xấu đã có 02 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội. Bởi vậy cần phải có một mức án thật nghiêm khắc mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và cộng đồng xã hội; bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “*Phạm tội 02 lần*”.

trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “*Phạm tội gây thiệt hại không lớn*” và “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

[4] *Hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo không có tài sản và nguồn thu nhập nào, khi áp dụng hình phạt bổ sung thì không có tính khả thi, vì vậy không áp dụng đối với bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Các bị hại bà Đoàn Hồng N và bà Vũ thị H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Do bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn đề nghị xin miễn án phí. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố*: Bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50/BLHS.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 27/7/2025.

2. *Về án phí*: - Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Bị cáo Nguyễn Quốc T được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

“*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*”.

3. *Về quyền kháng cáo*: - Áp dụng Điều 331, 333/BLTTHS.

+ Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKSND khu vực 6;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh;
- Phòng THADS khu vực 6;
- Bị cáo; Bị hại;
- Hồ sơ, lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vi Hồng Lễ